



HỘI THI

**TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI NĂM 2015**



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI
Số 1597, Đường Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



BÀI DỰ THI

**TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI NĂM 2015**

THÔNG TIN NGƯỜI DỰ THI:

Họ và tên : Võ Hoàng Khai

Sinh ngày : 28 tháng 08 năm 1971 Giới tính : Nam

Nghề nghiệp : Viên chức Dân tộc : Kinh

Đơn vị công tác : Trung tâm Phát triển phần mềm (Sở KH&CN)

Chức vụ : Giám đốc Trung tâm

Địa chỉ công tác : Số 1597, Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Nơi thường trú : Số 45 A, KP4, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Số điện thoại : 0613.822268 (8300) hoặc 0907.174171

Email : dostkhai@gmail.com

- Đồng Nai, tháng 11 năm 2015 -

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng Nai là tỉnh thuộc Miền Đông Nam Bộ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có diện tích 5.903,940 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và chiếm 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ. Dân số toàn tỉnh theo số liệu thống kê đến đầu năm 2010 là 2.559.673 người, mật độ dân số: 386,511 người/km². Tỉnh có 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: Thành phố Biên Hòa - là trung tâm chính trị kinh tế văn hóa của tỉnh; Thị xã Long Khánh và 9 huyện: Long Thành; Nhơn Trạch; Trảng Bom; Thống Nhất; Cẩm Mỹ; Vĩnh Cửu; Xuân Lộc; Định Quán; Tân Phú.

Là một tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, Đồng Nai tiếp giáp với các vùng sau: Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh. Là một tỉnh có hệ thống giao thông thuận tiện với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia đi qua như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51; tuyến đường sắt Bắc - Nam; gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và tương lai có thêm sân bay quốc tế Long Thành đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước đồng thời có vai trò gắn kết vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên.

Hơn 85 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Đồng Nai đã một lòng đi theo Đảng, chiến đấu kiên cường, giành được nhiều thắng lợi vẻ vang góp phần xứng đáng cùng toàn dân viết lên những trang sử vàng chói lọi: Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, đã và đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Đồng Nai cũng là tỉnh có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng kiên cường. Đặc biệt từ khi có Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo, nhân dân Đồng

Nai không phân biệt chủng tộc, tôn giáo thành phần xuất thân đã đoàn kết một lòng chiến đấu vì sự nghiệp giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước, Đảng bộ Đồng Nai ngày càng lớn mạnh và trưởng thành. Trải qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, tổ chức Đảng vẫn còn tồn tại giữa lòng dân, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ghi lại những chặng đường lịch sử chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân ta là một việc làm thiết thực và cấp bách nhằm phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân trong toàn tỉnh; củng cố lòng tin và tự hào chính đáng của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân; tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân; nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực công tác của các cấp ủy Đảng, của cán bộ đảng viên để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng; góp phần giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ mai sau.

Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng kiên cường, đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Hôm nay, thông qua cuộc thi viết “Tìm hiểu Giá trị Văn hóa - Lịch sử Đồng Nai năm 2015”, tôi muốn lĩnh hội sâu rộng và hiểu rõ hơn nữa về lịch sử hình thành và phát triển của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống lịch sử và văn hóa của quê hương, đất nước; nâng cao hơn nữa niềm tin và lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh; cổ vũ quyết tâm chính trị cho các tầng lớp nhân dân xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.

TÁC GIẢ

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CHXHCN	:	Công hòa xã hội chủ nghĩa
BCT	:	Bộ Chính trị
TW	:	Trung ương
UVTW	:	Ủy viên Trung ương
TƯC	:	Trung ương cục
UVTW	:	Ủy viên Trung ương
TU	:	Tỉnh ủy
UV	:	Ủy viên
BCH	:	Ban chấp hành
UVTV	:	Ủy viên Thường vụ
BTV	:	Ban Thường vụ
TVTU	:	Thường vụ Tỉnh ủy
TNCS	:	Thanh niên cộng sản
ĐBQH	:	Đại biểu quốc hội
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
UBND	:	Ủy ban nhân dân
NQ	:	Nghị quyết
QĐ	:	Quyết định
GDP	:	Tổng sản phẩm nội địa (viết tắt Gross Domestic Product)
KH&CN	:	Khoa học và công nghệ
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
GD&ĐT	:	Giáo dục và đào tạo
CNH-HĐH	:	Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa
NSNN	:	Ngân sách nhà nước
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	:	Giá trị gia tăng

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
	Trình bày câu hỏi số 01	01
1	<i>Lịch sử thành lập Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến tới các kỳ Đại hội, đó là:.....</i>	01
1.1	<i>Lịch sử thành lập tỉnh Đồng Nai:.....</i>	01
1.2	<i>Lịch sử thành lập Đảng bộ tỉnh Đồng Nai:.....</i>	03
2	<i>Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua 10 kỳ đại hội, bao gồm các kỳ đại hội:</i>	05
3	<i>Mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội:</i>	05
3.1	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa I nhiệm kỳ (1976-1978):.....</i>	05
3.2	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa II nhiệm kỳ (1979-1982):.....</i>	07
3.3	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa III nhiệm kỳ (1983-1985):.....</i>	09
3.4	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa IV nhiệm kỳ (1986-1990):.....</i>	10
3.5	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa V nhiệm kỳ (1991-1995):.....</i>	12
3.6	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VI nhiệm kỳ (1996-2000):.....</i>	14
3.7	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VII nhiệm kỳ (2001-2005):.....</i>	16
3.8	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VIII nhiệm kỳ (2006-2010):.....</i>	18
3,9	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa IX nhiệm kỳ (2011-2015):.....</i>	19
3.10	<i>Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa X nhiệm kỳ (2015-2020):.....</i>	20
	Trình bày câu hỏi số 02	22

	Trình bày câu hỏi số 03	29
1	<i>Tổng quan về quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai:</i>	29
2	<i>Thực trạng quản lý tài chính trong hoạt động KH&CN tỉnh Đồng Nai:</i>	32
2.1	<i>Cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN Đồng Nai thời gian qua:</i>	32
2.2	<i>Những vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN:</i>	38
3	<i>Một số đề xuất, kiến nghị đổi mới cơ chế tài chính thúc đẩy phát triển KH&CN:</i>	44



CÂU HỎI SỐ 01

Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội ? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội ?





TRÌNH BÀY CÂU HỎI SỐ 01

1. Lịch sử thành lập Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến tới các kỳ Đại hội

1.1. Lịch sử thành lập tỉnh Đồng Nai

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chế độ quản lý hành chính theo bốn cấp: Trung ương, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, huyện và xã. Để bảo đảm thống nhất sự lãnh đạo sát với tình hình thực tế ở miền Nam, các Bộ, Ủy ban, Tổng cục, các Ban ở Trung ương phải nắm chắc tình hình của ngành mình, thực hiện chức năng chỉ đạo thực hiện về quản lý ngành, báo cáo và xin chỉ thị một cách nghiêm túc đối với Trung ương Đảng và Chính phủ. Giải thể Trung ương Cục miền Nam, giải thể các Khu uỷ¹ ở cả hai miền, đồng thời, thành lập Ban Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, một hình thức tổ chức làm việc để thực hiện sự chỉ đạo tại chỗ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ. Hợp nhất các tỉnh thành những đơn vị hành chính - kinh tế với quy mô cần thiết².

Để thực hiện Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng, ngày 20-09-1975, Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết 16/TƯC nhằm quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới ở miền Nam và sớm đi đến thống nhất quản lý Nhà nước.

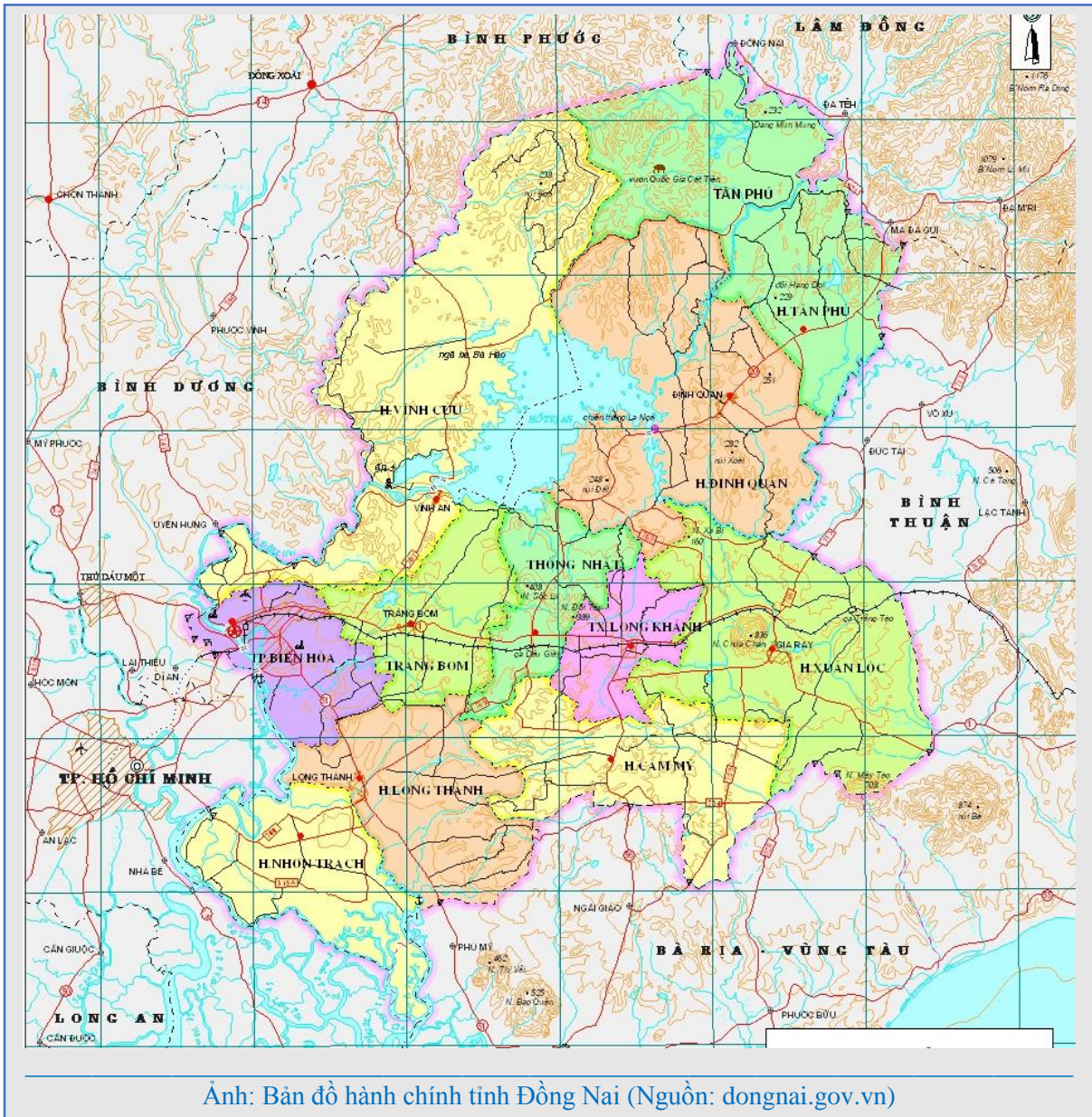
Đầu tháng 01-1976, Trung ương ra quyết định thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh: Biên Hoà, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có diện tích 8.360 km², giáp các tỉnh Sông Bé, Thuận Hải, Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai bao gồm thành phố Biên Hoà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh và các huyện: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Thành, Long Đất, Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Duyên Hải, thị xã Vũng Tàu. Dân số toàn tỉnh là 1.223.683 người gồm 19 dân tộc (theo số liệu năm 1976), trong đó dân tộc Kinh chiếm 92,8%. Ngày 30/04/1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai ra Nghị quyết 06 thành lập huyện Xuyên Mộc tách ra từ huyện Long Đất. Ngày 29/12/1978, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá VI đã quyết

¹ Như Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Ban An ninh, Ban Binh vận, Ban Kinh tài, Ban Giao bưu...

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, T.36, Nxb Chính trị Quốc gia, HN. 2004, tr.430-431.

định cắt huyện Duyên Hải nhập về thành phố Hồ Chí Minh (nay gọi là huyện Cần Giờ). Ngày 12/8/1991, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam quyết định cắt chuyển 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ đó cho đến nay, tỉnh Đồng Nai nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính với việc cắt chuyển một số địa bàn cho các tỉnh mới, một số địa bàn tách, sát nhập lại. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai gồm 11 đơn vị hành chính như sau: Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu.





1.2. Lịch sử thành lập Đảng bộ tỉnh Đồng Nai

Ngày 06/01/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định chỉ định Ban Chấp hành lâm thời³ Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (tháng 01/1976-11/1976) gồm có 39 uỷ viên chính thức và 5 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ⁴ gồm có 11 đồng chí. Đồng chí Lê Quang Chử được chỉ định là Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Phạm Văn Hy, Nguyễn Văn Lá (Sáu Trung) là Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Các Ban trực thuộc Tỉnh uỷ được thành lập gồm Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Ban Kiểm tra, Ban Nội chính, Ban Kinh tế, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng⁵, Báo Đồng Nai, Đài phát thanh Đồng Nai.

Các Ban tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất gọi là Ty, gồm có các Ty: Giáo dục, Văn hoá Thông tin, Công nghiệp, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thương nghiệp, Thủy lợi, Thương binh Lao động, Y tế, Giao thông Vận tải, Lương thực, Tài chính. Các đơn vị ngang Ty có Uỷ ban Kế hoạch, Uỷ ban Vật giá, Ban Cải tạo Công Thương nghiệp...

Đảng bộ Đồng Nai gồm 10 Đảng bộ huyện, thị, thành phố Biên Hoà và các Đảng bộ trực thuộc gồm: Đảng bộ Liên cơ Dân - Chính - Đảng⁶, Đảng bộ Khu Công nghiệp Biên Hoà⁷, Đảng bộ Công ty Cao su, Đảng bộ Công an, Đảng bộ Quân sự, Đảng bộ Trường Bồi túc văn hoá, Đảng bộ Trường Kỹ thuật Tân Mai, Đảng bộ Trường Du lịch (Vũng Tàu). Toàn Đảng bộ có 231 chi, Đảng bộ cơ sở với 1.482 đảng viên, chiếm tỷ lệ 0,01% tổng dân số.

Các tổ chức thuộc khối vận, các đoàn thể cách mạng được chỉ định thành lập gồm: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (đồng chí Nguyễn Thành Long làm Chủ tịch), Công đoàn (đồng chí Nguyễn Thị Minh làm Chủ tịch), Hội Phụ nữ (đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết làm Chủ tịch), Đoàn Thanh niên (đồng chí Nguyễn Việt Nhân làm Bí thư), Hội Nông dân tập thể (đồng chí Nguyễn Văn Nghiệp làm Thư ký).

³ Các tỉnh ủy viên: Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Thị Minh, Phan Đình Công, Võ Văn Vân, Nguyễn Hoàng Nam, Lê Văn Ngọc, Nguyễn Hải, Nguyễn Văn Thông, Lê Đình Nghiệp, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Văn Nguyên, Hồ Sỹ Hành, Vũ Hồng Phô, Lê Văn Việt, Trần Văn Thi, Thái Văn Thái, Nguyễn Lan, Nguyễn Văn Nghiệp, Nguyễn Hoan, Lê Đức Sanh, Võ Tấn Vĩnh. .v.v.

⁴ Ban thường vụ Tỉnh uỷ gồm các đồng chí: Lê Quang Chử, Phạm Văn Hy, Nguyễn Văn Trung, Lê Quang Thành, Lê Minh Hà, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Đăng Mai, Nguyễn Hoàng Vân, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Phan Văn Trang, Lê Minh Nguyên.

⁵ Ban Kinh tế Tỉnh uỷ thành lập ngày 23-6-1976 theo Quyết định 101/NQBTW; Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành lập theo Nghị quyết 09/Tỉnh uỷ ngày 22-6-1976..

⁶ Đảng uỷ Liên cơ Dân - Chính - Đảng thành lập ngày 27-5-1976 theo QĐ số 170 của TVTU Đồng Nai.

⁷ Đảng uỷ Khu Công nghiệp Biên Hoà thành lập theo Nghị quyết 78/TVTU.



Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đoàn thể cách mạng của tỉnh Đồng Nai được thành lập, tạo thành một hệ thống chuyên chính cách mạng hoàn chỉnh. Tỉnh Đồng Nai trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều lần tách, nhập theo yêu cầu của kháng chiến nhưng vẫn là một chiến trường. Hầu hết cán bộ, đảng viên, trước đây đã cùng nhau chiến đấu, hiểu biết lẫn nhau, nay cùng sinh hoạt trong một Đảng bộ, cùng đoàn kết gắn bó, đó là điều kiện thuận lợi để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong lãnh đạo nhiệm vụ mới của cách mạng: xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.



Ảnh: Trụ sở Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

Đến cuối năm 1976, khi đã đạt được những kết quả nhất định trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ nhất.



2. Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua 10 kỳ đại hội, bao gồm các kỳ đại hội

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất, khóa I nhiệm kỳ (1976-1978) diễn ra qua 02 vòng Đại hội: Vòng 01 được tổ chức từ ngày 11 đến 21-11-1976; Vòng 02 được tổ chức từ ngày 06 đến ngày 10-4-1977.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ hai, khóa II nhiệm kỳ (1979-1982) được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12-07-1979.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ ba, khóa III nhiệm kỳ (1983-1985) diễn ra qua 02 vòng Đại hội: Vòng 01 được tổ chức từ ngày 07 đến ngày 16-01-1982; Vòng 02 được tổ chức từ ngày 24 đến ngày 28-01-1983.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ tư, khóa IV nhiệm kỳ (1986-1990) được tổ chức từ ngày 20-10 đến ngày 26-10-1986.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ năm, khóa V nhiệm kỳ (1991-1995) diễn ra qua 02 vòng Đại hội: Vòng 01 được tổ chức từ ngày 23 đến 25-04-1991; Vòng 02 được tổ chức từ ngày 28-10 đến ngày 01-11-1991.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ sáu, khóa VI nhiệm kỳ (1996-2000) được tổ chức từ ngày 02 đến ngày 04-05-1996.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ bảy, khóa VII nhiệm kỳ (2001-2005) được tổ chức từ ngày 28 và 29-12-2000.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ tám, khóa VIII nhiệm kỳ (2006-2010) được tổ chức từ ngày 21 đến ngày 23-12-2005.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ chín, khóa IX nhiệm kỳ (2011-2015) được tổ chức từ ngày 22 đến ngày 25-09-2010.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ mười, khóa X nhiệm kỳ (2016-2020) được tổ chức từ ngày 28 đến ngày 30-09-2015.

3. Mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội

3.1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa I nhiệm kỳ (1976-1978)

3.1.1. Thông tin chung về Đại hội khóa I

- **Vòng 01:** Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 1) tiến hành từ ngày 11 đến 21-11-1976 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự có 420 đại biểu chính thức gồm 367 đại biểu nam, 52 đại biểu nữ, có 11 đại biểu dân tộc thiểu số, đại diện cho 6.810 đảng viên của 17 Đảng bộ huyện, thành phố, 07 Đảng bộ trực thuộc và 509 chi bộ, Đảng bộ cơ sở.



- **Vòng 02:** Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 06 đến ngày 10-4-1977 tại thành phố Biên Hoà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 2) đã được tổ chức.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I (1976 - 1978)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa I:** Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ I⁸ (1976-1978) gồm 41 người (có 2 uỷ viên dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ⁹ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đại hội bầu 13 đồng chí đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

3.1.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa I

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông - công nghiệp giàu mạnh; cải tiến

⁸ Quyết định số 175NQ-NS/TU ngày 3-6-1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.

⁹ Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khóa I, gồm 13 đồng chí: Lê Quang Chử, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Trung, Lê Quang Thành, Lê Minh Hà, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Đăng Mai, Nguyễn Hoàng Văn, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Lê Minh Nguyễn, Nguyễn Hoan.



công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; Nắm vững và không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt).

3.2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa II nhiệm kỳ (1979-1982)

3.2.1. Thông tin chung về Đại hội khóa II

- **Thông tin chung:** Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ hai họp từ ngày 10 đến ngày 12-07-1979 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8.000 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đã kiểm điểm, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, đề ra nhiệm vụ, phương hướng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ Tổ quốc XHCN và xây dựng cơ sở vật chất của CNXH, hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2 (1976-1980).

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa II:** Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ II¹⁰ gồm 45 người (có 2 uỷ viên dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Văn Trung và Phạm Văn Hy được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ¹¹ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí.

Trong Ban chấp hành khóa II, được sự điều động của Ban Bí thư Trung ương Đảng, 02 đồng chí Phạm Văn Hy¹² và Lê Minh Hà¹³ tham gia vào Ban Chấp hành Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

¹⁰ Theo Quyết định số 943 NQ-NS/TU ngày 29-9-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.

¹¹ Ban TVTU khóa II: Lê Quang Chử, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Hy, Nguyễn Đăng Mai, Nguyễn Hoàng Vân, Hoàng Vĩnh Phú, Lê Minh Nguyên, Lê Tư Huyền, Nguyễn Hoàng Nam, Lê Minh Hà, Nguyễn Hải, Nguyễn Thị Bình Minh (QĐ số 943 NQ-NS/TU ngày 29-9-1979 của Ban Bí thư TW).

¹² Quyết định số 140 NQ-NS/TW ngày 10-6-1982 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định đồng chí Phạm Văn Hy, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ làm Bí thư Đặc khu uỷ Vũng Tàu - Côn Đảo.

¹³ Quyết định số 943 NQ-NS/TU ngày 29-9-1979 của Ban Bí thư quyết định đồng chí Lê Minh Hà vào Ban Chấp hành Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

3.2.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa II



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II (1979 - 1982)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

- ①- Ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm.
- ②- Làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới.
- ③- Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bạo loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống.
- ④- Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân.
- ⑤- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho SX nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm.
- ⑥- Ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải

tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

3.3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa III nhiệm kỳ (1983-1985)

3.3.1. Thông tin chung về Đại hội khóa III

- **Vòng 01:** Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ ba (vòng 1) được tiến hành từ ngày 07 đến ngày 16-01-1982. Tham dự Đại hội có 423 đại biểu (có 2 đại biểu do Trung ương cử về).

- **Vòng 02:** Từ ngày 24 đến ngày 28-01-1983, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (vòng 2). Tham dự Đại hội có 418 đại biểu chính thức đại diện cho gần 9.000 đảng viên của 16 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh. Đại hội vinh dự đón tiếp đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III (1983 - 1985)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)



- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa III:** Ban chấp hành Tỉnh ủy Đồng Nai khóa III¹⁴ được đại hội bầu ra gồm có 46 đồng chí (có 01 dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Trung được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí. Đại hội bầu 11 đồng chí đại biểu và 02 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Theo quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa III có sự điều động và bổ sung như sau: Đồng chí Phạm Văn Hy¹⁵, Ủy viên Trung ương Đảng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Liên¹⁶, Ủy viên Trung ương Đảng giữ chức phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Thành Ba¹⁷ giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Phan Văn Trang bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa III).

3.3.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa III

①- Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

②- Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

③- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

④- Phấn đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hoá xã hội.

⑤- Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

⑥- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao.

⑦- Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.

3.4. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa IV nhiệm kỳ (1986-1990)

3.4.1. Thông tin chung về Đại hội khóa IV

¹⁴ Theo Quyết định số 414 NQ-NS/TƯ ngày 12-4-1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.

¹⁵ QĐ số 901 QĐ-NS/TW ngày 1-10-1984 của Ban Bí thư QĐ đồng chí Phạm Văn Hy, UVTW Đảng thôi giữ chức Bí thư Đặc Khu ủy Vũng Tàu - Côn Đảo và về giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai và đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Liên, UVTW Đảng thôi giữ chức Bí thư Huyện ủy Thống Nhất và về giữ chức Phó Bí thư TU Đồng Nai.

¹⁶ Quyết định số 946 NQ-NS/TƯ ngày 15-12-1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng bổ sung đồng chí Phan Văn Trang, Quyền Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh ủy vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa III).

¹⁷ Tháng 12-1984, đồng chí Lê Thành Ba giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.



- **Thông tin chung:** Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ tư được tổ chức tại TP. Biên Hòa, từ 20 đến 26-10-1986 với 447 đại biểu thay mặt cho trên 12.000 đảng viên của Đảng bộ 07 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố và 10 Đảng ủy trực thuộc. Đồng chí (Giáo sư -Tiến sĩ) Nguyễn Đình Tứ, Bí thư Trung ương Đảng thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo trực tiếp Đại hội.

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa IV:** Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới khóa IV¹⁸ gồm 45 ủy viên chính thức và 13 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Phạm Văn Hy được Đại hội bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Liên và đồng chí Huỳnh Văn Ba được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí. Đại hội cũng đã bầu ra đoàn đại biểu gồm 15 đồng chí đi dự Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VI.

Theo quyết định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa IV có sự điều động và bổ sung như sau:

- Đồng chí Phạm Văn Hy¹⁹, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai giữ chức Tổng Cục trưởng Tổng Cục Cao su.

- Đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Liên²⁰, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Phạm Văn Hy. Sau đó, đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Liên thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy để nhận công tác khác.

- Đồng chí Phạm Văn Nà²¹ được phân công giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Đồng chí Lê Thành Ba và đồng chí Phạm Văn Nà được hưu trí²².

- Đồng chí Phạm Văn Hy²³, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục Cao su về làm Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

- Bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Thông²⁴, nguyên Trưởng đoàn chuyên gia của tỉnh ở Campuchia vào Ủy viên chính thức UVBCH và BTU Tỉnh ủy.

¹⁸ QĐ số 1390 NQ-NS/TU ngày 6-12-1986 của Ban Bí thư TW Đảng về việc chuẩn y BCH Đảng bộ Đồng Nai

¹⁹ Quyết định số 98-NQ.NS/TW ngày 28-2-1987 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

²⁰ Điện số 23 ngày 13-3-1987 và QĐ số 722-NQNS/TW ngày 17-7-1989 của Bộ Chính trị.

²¹ Quyết nghị số 51-NQ/TU ngày 30-5-1987 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công.

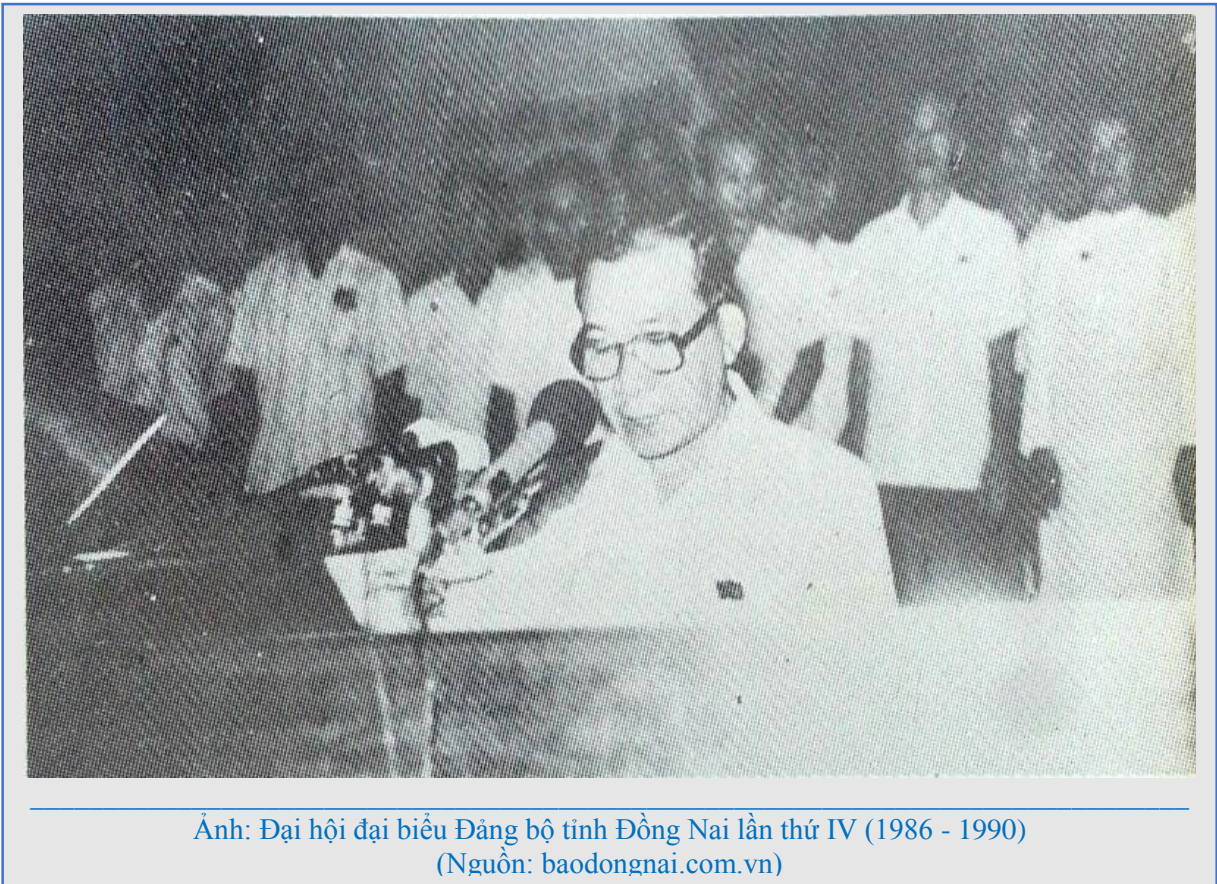
²² Quyết định số 723 và 724-NQNS/TW ngày 17-7-1989 của Ban Bí thư.

²³ Quyết định số 727-NQNS/TW ngày 26-8-1989 của Bộ Chính trị điều động.

²⁴ Quyết định số 734-NQNS/TW ngày 4-9-1989 của Ban Bí thư chỉ định bổ sung



- Chuẩn y²⁵ 02 đồng chí Huỳnh Văn Bình và Phan Văn Trang giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV (1986 - 1990)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

3.4.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa IV

“...Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế tỉnh Đồng Nai theo cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý; phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, lương thực là trọng tâm theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát huy các mũi nhọn: Công nghiệp chế biến, nông sản xuất khẩu và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, giải quyết tích cực có hiệu quả thiết thực ba chương trình lớn về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu. Tiếp tục nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới; xây dựng cơ chế quản lý mới, nhất là quản lý kinh tế mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở, xây dựng Đảng bộ vững mạnh mọi mặt”²⁶.

3.5. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa V nhiệm kỳ (1991-1995)

²⁵ Quyết định số 758-NQNS/TW ngày 20-9-1989 của Ban Bí thư chuẩn y

²⁶ Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần IV. Tài liệu lưu phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng Đồng Nai.



3.5.1. Thông tin chung về Đại hội khóa V

- **Vòng 01:** Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ năm (vòng 1) tiến hành từ ngày 23 đến 25-04-1991. Tham dự có 349/350 đại biểu được bầu cử dân chủ từ Đại hội của 17 Đảng bộ trực thuộc với 650 cơ sở Đảng và 17.645 đảng viên.

- **Vòng 02:** Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ năm (vòng 2) tổ chức tại TP.Biên Hòa, từ ngày 16 đến ngày 19-3-1994. Tham dự đại hội có 228 đại biểu của 15 đảng bộ trực thuộc đại diện cho 14.650 đảng viên toàn tỉnh²⁷.

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa V:** Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V²⁸ gồm 47 đồng chí, bảo đảm theo tiêu chuẩn và yêu cầu về cơ cấu, đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của Đảng bộ trong tình hình mới. Trong đó, có 28 đồng chí là cấp uỷ viên khóa IV, 10 cấp uỷ viên là nữ. Tuổi bình quân là 48,65. Về trình độ văn hóa: cấp 2 có 08 đồng chí, cấp 3 có 39 đồng chí, trung học chuyên nghiệp có 01 đồng chí, Cao đẳng, Đại học có 17 đồng chí, Phó Tiến sĩ có 03 đồng chí. Đại hội bầu đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Bình, Trần Thị Minh Hoàng làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 11 đồng chí. Đại hội đã bầu 17 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết của Đảng bộ dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII.

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung 05 đồng chí²⁹ vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V và khẳng định “quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát của Đại hội V Đảng bộ tỉnh, tạo tiền đề vững chắc bước vào kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1996-2000”.

3.5.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa V

①- Ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, mở rộng kinh tế đ-ôi ngoại và khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam.

②- Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới, từng bước giải quyết lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 xuống dưới 2%.

²⁷ Trước đại hội, ngày 25-9-1991, TW ra QĐ số 64 thành lập tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Các huyện Long Đất, Châu Thành, Xuyên Mộc của Đồng Nai với 3.047 đảng viên và 152 cơ sở Đảng chuyển về tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

²⁸ QĐ số 175-NS/TƯ ngày 20-1-1992 của Ban Bí thư TW Đảng về việc chuẩn y BCH Đảng bộ tỉnh Đồng Nai

²⁹ Đồng chí Phan Văn Hiếm, Bí thư Ban cán sự Đảng Sở Công nghiệp; Đồng chí Phan Trung Kiên, Bí thư Ban cán sự Đảng Sở Nông Lâm; Đồng chí Nguyễn Hồng Lạc, Phó Bí thư Huyện uỷ Thống Nhất; Đồng chí Lâm Thị Nguyệt, Phó Bí thư Huyện uỷ Long Thành; Đồng chí Lê Hồng Phương, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.

③- Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng xã hội.

④- Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự trị an toàn xã hội, thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị trong tỉnh.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (1991 - 1995)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

3.6. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VI nhiệm kỳ (1996-2000)

3.6.1. Thông tin chung về Đại hội khóa VI

- **Thông tin chung:** Từ ngày 02 đến ngày 04-05-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ sáu đã được triệu tập. Tham dự Đại hội có 353 đại biểu chính thức đại diện cho trên 16.000 đảng viên của 15 Đảng bộ trực thuộc và 670 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh. Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI thể hiện được cơ cấu hợp lý các thành viên trong từng đoàn. Số đại biểu công tác ở các cơ sở Đảng xã, phường, thị trấn chiếm 10,7%. Đại biểu nữ chiếm 17,43%. Đại biểu tốt nghiệp cao cấp và đại học chính

trị là 51,14%, tốt nghiệp cao đẳng, đại học và trên đại học các ngành chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ là 46,85%.

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa VI:** Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa VI³⁰ gồm 47 đồng chí, trong đó có 32 đồng chí tái đắc cử và 15 đồng chí lần đầu tham gia Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, có 9 đồng chí nữ, chiếm tỷ lệ 19,1%. Ban Chấp hành khóa VI đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI (1996 - 2000)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

khóa VI gồm 13 đồng chí (có 6 đồng chí tái đắc cử và 7 đồng chí mới). Bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 8 đồng chí. Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã bầu đồng chí Trần Thị Minh Hoàng, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V làm Bí thư Tỉnh ủy. Hai đồng chí: Trần Bửu Hiền là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy và Lê Hoàng Quân là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁰ QĐ số 1068-NS/TW ngày 28-5-1996 của Ban Bí thư TW Đảng về việc chuẩn y BCH Đảng bộ tỉnh Đồng Nai



Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VIII của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết đảm bảo đủ tiêu chuẩn, có cơ cấu hợp lý và đúng thủ tục.

3.6.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa VI

“Giữ gìn và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phân đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI”.

3.7. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VII nhiệm kỳ (2001-2005)

3.7.1. Thông tin chung về Đại hội khóa VII

- **Thông tin chung:** Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001-2005) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong hai ngày 28 và 29-12-2000. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho 22.626 đảng viên thuộc 14 Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các Ban Đảng của Trung ương về dự và chỉ đạo đại hội.

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa VII:** Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII³¹, gồm 47 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng Quân được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII. Đồng chí Trần Đình Thành là Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Võ Văn Một là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. (Đến năm 2004, đồng chí Lê Hoàng Quân được Trung ương phân công làm Phó Bí thư Thường

³¹ QĐ số 1005-QĐNS/TW ngày 09-01-2001 của Ban Bí thư TW Đảng về việc chuẩn y BCH Đảng bộ Đồng Nai

trực TP. HCM và đồng chí Trần Đình Thành³² được Trung ương bổ nhiệm làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII). Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (2001 - 2005)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

3.7.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa VII

Tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, góp phần tích cực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, tạo nền tảng để đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế, nâng

³² Quyết định số 1259-QĐ.NS/TW ngày 29-11-2004 của Bộ Chính trị quyết định đồng chí Trần Đình Thành, Phó Bí thư thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh, giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ (nhiệm kỳ 2001-2005)

cao chất lượng đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái. Phần đầu đến năm 2010, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000, với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

3.8. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VIII nhiệm kỳ (2006-2010)

3.8.1. Thông tin chung về Đại hội khóa VIII

- **Thông tin chung:** Từ ngày 20 đến ngày 22-11-2005, tại hội trường Quảng trường tỉnh hội nghị đại biểu Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2006 - 2010) đã khai mạc. Có 294 thay mặt cho 16 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đã về dự hội nghị. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương về dự và chỉ đạo trực tiếp Đại hội.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (2006 - 2010)

(Nguồn: baodongnai.com.vn)

- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa VIII:** Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII , gồm 49 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai khóa IX. Hai đồng chí: Đồng chí Lê Hồng Phương là Phó Bí thư

Thường trực và đồng chí Đinh Quốc Thái là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban Thường vụ khóa IX Có 13 đồng chí trúng cử. Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: gồm 11 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.

3.8.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa VIII

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

3.9. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa IX nhiệm kỳ (2011-2015)

3.9.1. Thông tin chung về Đại hội khóa IX

- **Thông tin chung:** Đại hội Đại biểu lần thứ chín Đảng bộ tỉnh Đồng Nai họp từ ngày 23/09/2010 đến ngày 25//09/2010 tại TP. Biên Hòa. Có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho 45.000 đảng viên thuộc 16 Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ Chức Trung ương về dự và chỉ đạo trực tiếp Đại hội.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX (2011 - 2015)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)



- **Kết quả nhân sự Đại hội khóa IX:** Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX, gồm 51 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai khóa IX. Hai đồng chí: Đồng chí Lê Hồng Phương là Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Đinh Quốc Thái là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban Thường vụ khóa IX Có 13 đồng chí trúng cử. Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: gồm 16 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết.

Năm 2015, sau khi đồng chí Lê Hồng Phương có quyết định nghỉ hưu theo chế độ, Ban Bí thư Trung ương Đảng có quyết định chuẩn y chức danh Phó bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai nhiệm kỳ 2010-2015 cho đồng chí Trần Văn Tư, Ủy viên Ban TVTU, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn ĐBQH khóa XIII của tỉnh Đồng Nai và đồng chí Phan Thị Mỹ Thanh, Ủy viên Ban TVTU, Phó chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

3.9.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa IX

Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm 2015.

3.10. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa X nhiệm kỳ (2015-2020)

3.10.1. Thông tin chung về Đại hội khóa X

- **Thông tin chung:** Đại hội Đại biểu lần thứ mười Đảng bộ tỉnh Đồng Nai họp từ ngày 28 tháng 09 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 tại TP. Biên Hòa. Có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho 66.000 đảng viên thuộc 17 Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về dự và chỉ đạo trực tiếp Đại hội.



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ x (2015 - 2020)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

- Kết quả nhân sự Đại hội khóa X: Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, gồm 52 đồng chí (khuyết 03 đồng chí sẽ bổ sung sau), Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 14 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Phú Cường, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai khóa X. Ba đồng chí: Đồng chí Trần Văn Tư là Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Đinh Quốc Thái là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Phan Thị Mỹ Thanh là Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai. Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: gồm 02 đại biểu đương nhiên, 18 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.

3.10.2. Mục tiêu tổng quát của Đại hội khóa X

Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển con người toàn diện; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.



CÂU HỎI SỐ 02

Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất, vì sao? (Bài viết không quá 2.000 từ)





TRÌNH BÀY CÂU HỎI SỐ 02:

Sau khi nghiên cứu kỹ các chủ trương của Đảng qua 10 kỳ Đại hội, vấn đề được tôi tâm đắc đó là các chủ trương có liên quan đến lĩnh vực hoạt động KH&CN; đặc biệt tôi tâm đắc nhất là chủ trương: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, phương thức quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ. Phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ”* được thông qua tại Đại hội đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/10/2015 của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai).



Ảnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (2015 - 2020)
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

Tôi tâm đắc nội dung chủ trương trên, bởi vì:

Khoa học và công nghệ (KH&CN) đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, hàng đầu; sức mạnh của mỗi quốc gia tùy thuộc phần lớn vào năng lực, trình độ KH&CN quốc gia; lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ ngày càng trở nên ít quan trọng hơn, vai trò của nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có năng lực sáng tạo ngày càng có ý nghĩa quyết định trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung có cơ hội thuận lợi để tiếp thu tri thức KH&CN, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH tỉnh nhà.

Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đề ra những mục tiêu và giải pháp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, định hướng



Ảnh: Hội nghị biểu quyết tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần X
(Nguồn: baodongnai.com.vn)

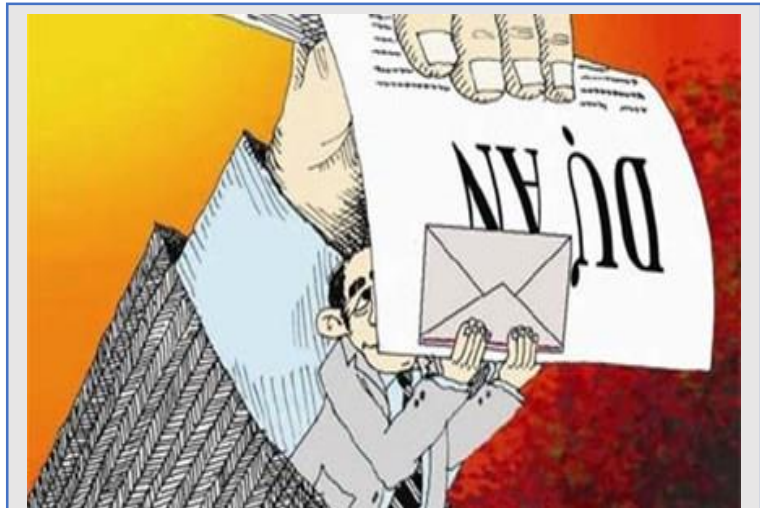
toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Muốn tiến trình cách mạng

đó thành công, đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đặc biệt trong đó có ngành KH&CN tỉnh nhà.

Hoạt động của ngành KH&CN trong thời gian qua đã không ngừng phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn và phát huy mọi nguồn lực trong hoạt động; đã bám sát các nội dung, định hướng chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương, của Bộ

KH&CN và của tỉnh; Hoạt động KH&CN của tỉnh đã phát triển mạnh và toàn diện hơn so với các giai đoạn trước đó; ngành đã lựa chọn được hướng đi đúng đắn và tập trung đẩy mạnh tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực nên đã có những bước đột phá mạnh trong việc xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN trong thời kỳ mới.

Hoạt động quản lý KH&CN được đổi mới theo hướng xóa bỏ cơ chế xin - cho, đổi mới quy trình xét duyệt, tuyển chọn, ban hành các cơ chế tài chính trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đã huy động được nguồn lực các ngành, các cấp và thu hút nguồn nhân



Ảnh minh họa: Xóa bỏ cơ chế “xin - cho”
(Nguồn: tienphong.vn)

lực KH&CN ngoài tỉnh tham gia vào hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển KH&CN với nhiệm vụ phát triển KT-XH của tỉnh. Đào tạo nguồn nhân lực được xác định là một yếu tố có tính quyết định trong tiềm lực KH&CN với chương trình đào tạo sau đại học đã có những thành quả vượt bậc, đã và đang tạo bước đột phá cả về số lượng và chất lượng. Việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật KH&CN cũng là nhân tố đột phá trong tiềm lực KH&CN Đồng Nai. Một trong những công trình đó là đã đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng hiệu quả Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai để tiến tới thành lập Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2016-2020. Như vậy, có thể nói rằng, nhờ có sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với các cấp chính

quyền và các ngành có liên quan trong nhiều năm qua mà ngành KH&CN tỉnh có được những thành quả nhất định.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả nêu trên, ngành KH&CN cũng còn một vài hạn chế. Tiềm lực và năng lực KH&CN của tỉnh nhà vẫn còn ở trình độ



thấp, hiệu quả hoạt động nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình đổi mới và hội nhập quốc tế. Nguyên nhân của những hạn chế là do:

- Cơ chế quản lý tổ chức và hoạt động KH&CN chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo và thể

chế kinh tế thị trường. Các tổ chức KH&CN chưa có được đầy đủ quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo khoa học. Ngoài ra, cơ chế quản lý tài chính trong hoạt động KH&CN còn nhiều bất cập, mang nặng tính hành chính.

- Việc xác định nhiệm vụ KH&CN chưa thực sự xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, một số nhiệm vụ KH&CN được thực hiện chỉ theo năng lực của tổ chức, cá nhân nhà khoa học đăng ký. Đội ngũ cán bộ trí thức KH&CN còn thiếu cán bộ giỏi, đầu đàn, hệ thống GD&ĐT chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, đặc biệt đối với những lĩnh vực KH&CN tiên tiến;

- Thị trường KH&CN mới hình thành sơ khai, chậm phát triển. Hoạt động KH&CN chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, tỷ lệ thương mại hoá kết quả KH&CN còn rất thấp;

Những nguyên nhân trên nếu không có chính sách, đối sách đúng đắn thì nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế giữa các tỉnh bạn xung quanh, cũng như trên bình diện cả nước là không tránh khỏi. Để khắc phục những hạn chế cùng với việc đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế hoạt động KH&CN trong giai đoạn hiện nay là tất yếu khách quan. Xác định thách thức nói trên, trong Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã cho chủ trương: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, phương thức quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ. Phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ*”.

Vì vậy, với tư cách là một đảng viên và cũng là một cán bộ đang hoạt động trong ngành KH&CN, tôi xin đề xuất một số giải pháp đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN nhằm góp phần triển khai nghị quyết Đảng bộ Đồng Nai lần thứ X vào cuộc sống, từ đó góp phần thúc đẩy



Ảnh: Tư liệu Sở Khoa học và Công nghệ
(Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

KH&CN phát triển phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới, như sau:

Một là, để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về KH&CN cần có cơ chế phân công, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp các ngành, các cán bộ lãnh đạo đầu ngành trong xây dựng chương trình, kế hoạch hành động triển khai cụ thể.

Hai là, tập trung đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh tạo sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực KH&CN;



Ảnh: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến thăm và làm việc tại Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai (Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

Phấn đấu trong giai đoạn 2016-2020 phát triển mạnh tiềm lực của Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh để hình thành Khu công nghệ cao chuyên ngành Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai; Phối hợp Bộ KH&CN và các Bộ ngành Trung ương đầu tư xây dựng Bảo tàng Khoa học Quốc gia

trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm chiếu xạ tỉnh, Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN tỉnh;...

Ba là, tạo cơ chế thông thoáng trong việc ứng dụng, sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc nhân rộng trong việc áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội. Nhân rộng kết quả phong trào hội thi nhằm thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất; phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ; tăng cường công tác phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ để nâng cao dân trí về khoa học và công nghệ.

Bốn là, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao của tỉnh; ban hành cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng chất xám nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao; Có cơ chế, chính sách ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh.



Năm là, tạo môi trường thuận lợi phát huy quyền sáng tạo để KH&CN thực sự trở thành động lực then chốt, tạo đột phá trong phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng an ninh, phát triển nhanh và bền vững.

Sáu là, hình thành các nhiệm vụ KH&CN phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu phát triển KT-XH của các cấp, các ngành. Phát triển thị trường KH&CN đáp ứng ngày càng cao nhu cầu ứng dụng tri thức KH&CN trong công tác lãnh đạo quản lý, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cũng như trong sự nghiệp phát triển KT-XH tỉnh.

Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý KH&CN phải phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN, đổi mới cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN một cách đồng bộ, tiếp cận chuẩn mực quốc gia từ khâu xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá, nghiệm thu các kết quả KH&CN nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

Tám là, khuyến khích, thúc đẩy mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường công nghệ. Hình thành hệ thống các tổ chức trung gian công nghệ, giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các giao dịch mua bán công nghệ; Thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ thông qua việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị hàng năm trên địa bàn tỉnh.

Tôi tin tưởng rằng, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và sự phối hợp của các ngành có liên quan cùng với nỗ lực cố gắng của tất cả cán bộ, đảng viên ngành KH&CN sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X đã đề ra, xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.



CÂU HỎI SỐ 03

Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất).



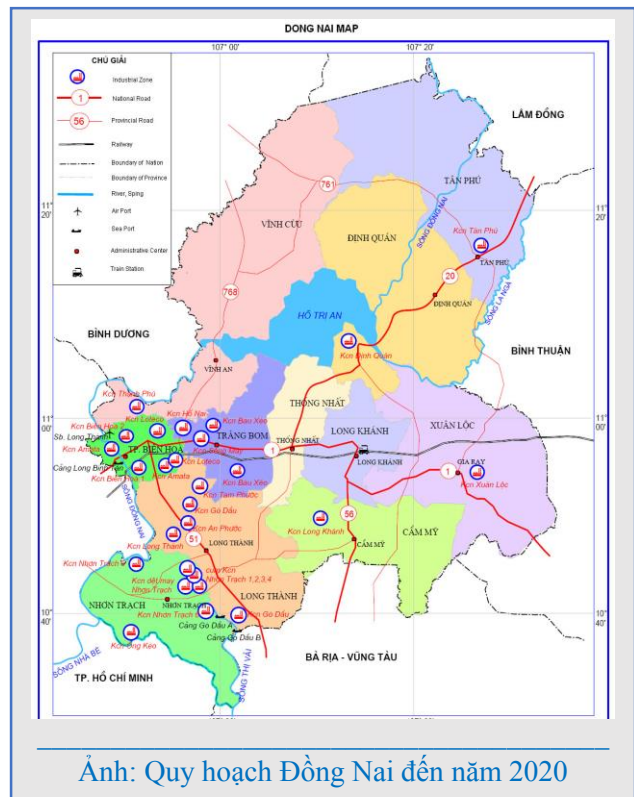
TRÌNH BÀY CÂU HỎI SỐ 03:

LĨNH VỰC TÁC GIẢ QUAN TÂM:

Quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai - Thực trạng và giải pháp

1. Tổng quan về quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế phía Nam, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả nước, nối Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất... Vì thế, Đồng Nai được coi như là “bản lề chiến lược” giữa bốn vùng kinh tế



phát triển, nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của cả vùng miền Đông Nam bộ. Tương lai, cảng hàng không quốc tế Long Thành sẽ được

xây dựng; đường thủy có sông Đồng Nai, gần cảng biển quốc tế, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đồng Nai có lợi thế phát triển giao lưu thương với cả nước và quốc tế.



Ảnh: Lễ ký kết hợp tác KH&CN với 4 trường Đại học VN
(Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

Đồng Nai xác định xây dựng và phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, tạo sự chuyển biến mạnh về chất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh

tế, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng - an ninh; góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH) và phát triển kinh tế tri thức; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Góp phần đạt mục tiêu xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp có nền tảng kinh tế - xã hội (KT-XH) công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2020.

Để thực hiện phương hướng và mục tiêu trên, một trong các giải pháp quan trọng được xác định là đẩy mạnh đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN theo hướng tập trung nghiên cứu ứng dụng ở lĩnh vực ưu tiên là: phát triển nông nghiệp, nông thôn và 2 mũi nhọn đột phá là hạ tầng KH&CN; đào tạo phát triển nguồn nhân lực nhằm góp phần đưa trình độ công nghệ nông nghiệp của tỉnh đi đầu trong cả nước và ngang bằng với các nước trong khu vực. Trong đó, lĩnh

vực quản lý tài chính trong hoạt động KH&CN là một yếu tố mang tính quyết định.

Vốn (tài chính) là một trong những yếu tố then chốt, quyết định sự thành bại đối với chiến lược phát triển KH&CN của mỗi tỉnh. Hệ thống này quyết định các hoạt động KH&CN sẽ được đầu tư bao nhiêu, từ những nguồn nào và được đầu tư như thế



Ảnh: TT Nguyễn Tấn Dũng thăm TT UDCN sinh học
(Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

nào để có thể đem lại hiệu quả cao nhất cho nền kinh tế. Trong những năm qua, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nền KH&CN của tỉnh nhà đã nhận được những khoản đầu tư ngày càng lớn, ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho phát triển KH&CN. Ngoài nguồn vốn đầu tư cho KH&CN từ ngân sách nhà nước (NSNN), tỉnh ta cũng đã có những chính sách khuyến khích để các đối tượng tham gia tài trợ cho KH&CN phát triển.

Chính vì vậy, các thành tựu về KH&CN cũng như quy mô, phạm vi ứng dụng các thành tựu này cũng ngày càng gia tăng. Mặc dù vậy, so với các tỉnh thành khác cũng như trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, trình độ KH&CN của Đồng Nai vẫn còn ở mức thấp, chưa đáp ứng được những yêu cầu mà quá trình phát triển KT-XH của tỉnh đặt ra. KH&CN chưa trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo của nền kinh tế. Bên cạnh đó, mặc dù có nhiều chính sách hỗ trợ nhưng thời gian qua khu vực doanh nghiệp này lại đầu tư vẫn còn quá ít cho KH&CN. Một trong những nguyên nhân chính là do Đồng Nai chưa tạo dựng được môi trường thuận lợi về mọi mặt cho việc sáng tạo và áp dụng các



thành tựu KH&CN nên chưa huy động được vốn từ các nguồn khác nhau để đầu tư cho KH&CN. Đồng thời, các nguồn lực tài chính hiện có cũng chưa được phân bổ và sử dụng hiệu quả như mong muốn.

Có nhiều nguyên nhân gây ra tình trạng này, trong đó đặc biệt phải kể đến là nguồn vốn đầu tư cho hoạt động KH&CN chưa đủ, đầu tư ít hiệu quả. Nguồn vốn đầu tư cho KH&CN của cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng còn nhiều bất cập, việc tạo lập, phân phối và nhất là việc sử dụng các nguồn đầu tư phát triển cho KH&CN còn dàn trải, yếu kém. Trong kinh phí dành cho KH&CN hằng năm, có khoảng 40 - 43% là kinh phí đầu tư phát triển và Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND Tỉnh trực tiếp phân bổ khoản kinh phí này cho các Sở, ban, ngành trên địa bàn Tỉnh. Điều đặc biệt đáng quan tâm là Sở KH&CN hoàn toàn không nắm được tình hình phân bổ cũng như hiệu quả sử dụng của khoản kinh phí đó. Các sở, ngành khi nhận trực tiếp kinh phí gần như không báo cáo với Sở KH&CN. Khu vực doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN còn quá ít.

Điều đó làm cho hoạt động KH&CN của Tỉnh chưa tương xứng với tầm vóc và vị trí là một tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhiều nhiệm vụ không thể triển khai thực hiện được, nhất là trong hoạt động quản lý, tổ chức triển khai nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Vì vậy, việc quan tâm và đề xuất vấn đề “Quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai - Thực trạng và giải pháp” có ý nghĩa thiết thực về thực tiễn để làm cơ sở và tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động ngành KH&CN phát triển trong thời gian tới.

2. Thực trạng quản lý tài chính trong hoạt động KH&CN tỉnh Đồng Nai

2.1. Cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN Đồng Nai thời gian qua

Trong những năm qua, cùng với việc đổi mới tổng thể thể chế quản lý tài chính công, các cơ chế tài chính liên quan đến phát triển KH&CN ở Đồng Nai

cũng đã không ngừng được hoàn thiện trên nhiều mặt. Có thể đánh giá khái quát về cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN thời gian qua đạt được những thành tựu, kết quả như sau:

Một là, nguồn lực đầu tư cho KH&CN được tăng cường và đảm bảo, đặc biệt là nguồn lực từ ngân sách nhà nước



Ảnh: Sở KH&CN ký hợp tác với ĐH Okayama, Nhật Bản
(Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

Từ nhiều bài học của các nước có hoàn cảnh tương đồng như Việt Nam trước đây như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản..., sau 30 năm đầu tư phát triển KH&CN họ đã trở thành những nước hàng đầu thế giới về sự phát triển. Với tầm quan trọng của

KH&CN trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng đầu tư cho KH&CN là quốc sách hàng đầu. Đầu tư cho lĩnh vực KH&CN là một trong những lĩnh vực nhận được sự ưu tiên cao của NSNN.

Đặc biệt, cùng với sự mở rộng chung về quy mô tổng chi NSNN, chi NSNN cho KH&CN đã liên tục được mở rộng, quy mô chi NSNN cho KH&CN tỉnh cũng liên tục tăng. Tuy nhiên, có sự khác biệt lớn trong cơ cấu đầu tư cho KH&CN giữa khu vực công và khu vực tư của Đồng Nai so với các địa phương khác là một tỷ trọng lớn đầu tư cho KH&CN, ở Đồng Nai chủ yếu là từ nguồn NSNN nên tổng mức đầu tư xã hội cho KH&CN thấp hơn rất nhiều tỉnh bạn khác trong cả nước. Trong tổng mức đầu tư cho hoạt động KH&CN ở Đồng Nai, đầu tư của NSNN chiếm khoảng 65-70% tổng đầu tư toàn xã hội cho hoạt động KH&CN. Thực tế này cho thấy để tăng cường nguồn lực đầu tư cho KH&CN,



Đồng Nai cần phải có những khuyến khích đầu tư của các doanh nghiệp cho KH&CN, không chỉ dựa chủ yếu vào NSNN như thời gian qua, nhất là trong bối cảnh quy mô tổng chi NSNN so với GDP khó có thể được mở rộng hơn so mức những năm qua trong bối cảnh cả nước đang có chủ trương giảm dần mức độ động viên NSNN cùng với việc giảm bội chi NSNN để đảm bảo an ninh tài khóa trong trung và dài hạn.

Tỉnh Đồng Nai, trong cả thời kỳ 2006-2015, chỉ trừ năm 2015, những năm còn lại, mức kinh phí kế hoạch do tỉnh giao cho hoạt động KH&CN luôn thấp hơn mức thông báo của Bộ KH&CN. Giai đoạn 2006-2010, tỷ lệ bình quân giữa mức kinh phí của UBND tỉnh giao và mức Bộ KH&CN thông báo chỉ đạt 46,48%. Năm thấp nhất chỉ đạt tỷ lệ 31,97% (2009) và năm cao nhất cũng chỉ đạt 93,85% (2008). Giai đoạn 2011-2015 đạt tỷ lệ bình quân là 85,00%, cao gấp 1,8 lần giai đoạn trước; năm thấp nhất đạt 57,94% (2011); năm thấp nhất đạt 104,24% (2015).

Tỷ lệ giao kinh phí cho hoạt động KH&CN của tỉnh so với mức thông báo của Bộ KH&CN ngày càng tăng cho thấy nhận thức về vai trò của KH&CN đã có nhiều chuyển biến. Bên cạnh đó, tác động khách quan của yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng (mà trong đó KH&CN giữ vai trò then chốt) từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng có chất lượng, phát triển theo chiều sâu.

Hai là, đã thực hiện bước cải cách căn bản về cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN, đặc biệt là việc đẩy mạnh cơ chế trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức KH&CN

Trong thời gian qua, Đồng Nai có nhiều văn bản nhằm khuyến khích đầu tư, tăng cường hiệu quả đầu tư từ NSNN cho lĩnh vực KH&CN đã được ban hành và tổ chức thực hiện, trong đó có việc hướng dẫn, triển khai Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 về tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức nghiên cứu KH&CN (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị

định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010). Nghị định 115/2005/NĐ-CP được xem như là “khoản 10” trong lĩnh vực KH&CN, đã tháo gỡ những vướng mắc, ràng buộc, kìm hãm về cơ chế, chính sách, tổ chức, quản lý đối với các đơn vị KH&CN trước đó, đánh dấu bước chuyển đổi căn bản trong tư duy và phương thức quản lý tài chính của Nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức



Ảnh: Phòng Datascenter thuộc Trung tâm phát triển phần (đơn vị đang chuyển đổi theo Nghị định 115/NĐ-CP (Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

KH&CN và người đứng đầu các cơ quan này trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời, đã yêu cầu các đơn vị sự nghiệp KH&CN phải chuyển đổi hình thức hoạt động sang một trong hai hình thức là tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí hoặc doanh nghiệp KH&CN.

Cùng với thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, các quy định về phân bổ ngân sách, xây dựng dự toán đề tài, nhiệm vụ KH&CN, định mức, cơ chế khoán sử dụng kinh phí NSNN cũng đã được hoàn thiện. Việc triển khai Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN của Liên Bộ Tài chính, Bộ KH&CN về việc hướng dẫn cơ chế khoán chi của các đề tài, dự án sử dụng NSNN và Thông tư số 44/2007/TTLT/BTC-KHCN quy định về định mức phân bổ và xây dựng dự toán chi đề tài, dự án KH&CN sử dụng nguồn NSNN làm căn cứ để xác định mức kinh phí thực hiện. Theo đó, dự toán chi viết chuyên đề, chi công tác phí, hội phí, các khoản chi mua sắm nguyên, nhiên vật liệu có định

mức kinh tế, kỹ thuật được giao kinh phí theo hình thức khoán. Đối với các khoản chi khoán này, chủ nhiệm đề tài được quyết định mức chi cho hiệu quả trên cơ sở từng đề tài. So với trước, các chủ nhiệm đề tài đã được chủ động hơn trong việc sử dụng kinh phí để trang trải cho công trình nghiên cứu KH&CN.

Ba là, các cơ chế thu hút, thúc đẩy đầu tư vào KH&CN tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, bao gồm cả việc thu hút nguồn lực của xã hội



Ảnh: Lễ động thổ xây dựng nhà máy sữa và ngũ cốc mầm GABA tại Trung tâm UDCN Sinh học Đồng Nai (Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

Để thúc đẩy đầu tư cho KH&CN, trong những năm qua, nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính (bao gồm các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai...) để thúc đẩy sự phát triển của hoạt động KH&CN đã được ban hành và tổ chức thực hiện như các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), về thuế giá trị gia tăng (GTGT) và về thuế nhập khẩu. Đầu tư vào KH&CN đang là lĩnh vực nhận được sự đối xử ưu đãi về thuế cao nhất trong hệ thống chính sách thuế hiện hành của Việt Nam.

Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 9872/QĐ-UBND ngày 01/12/2006 về việc thành lập và ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển KH&CN tỉnh Đồng Nai, từng bước chuyển cơ

chế quản lý hành chính sang cơ chế quản lý gắn với hiệu quả, kết quả nghiên cứu. Chủ tịch UBND tỉnh cũng đã thành lập Quỹ Đầu tư và một số loại quỹ khác, .v.v. để hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ dưới các hình thức như cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn. Mặt khác, trong năm 2008, Quốc hội cũng đã thông qua Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó đã đưa vào quy định cho phép doanh nghiệp được trích 10% thu nhập tính thuế hàng năm để thành lập Quỹ phát triển KH&CN.

Trong thời gian qua, việc triển khai đồng bộ các hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp KH&CN đã được nâng cao, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đặc thù với một số đơn vị nghiên cứu khoa học của tỉnh (ví dụ Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai) và triển khai có hiệu quả; các cơ chế tài chính, hỗ trợ kinh phí 50/50 và 70/30 thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp huyện, cấp ngành có tính



khả thi cao cũng đã đảm bảo hoạt động KH&CN ở cấp huyện, cấp ngành có chất lượng, hiệu quả cao hơn, góp phần phát triển KT-XH

địa phương, phát triển hoạt động của ngành. Cơ chế này đã có tác động khuyến khích các huyện chủ động trong việc soát xét tính khả thi của từng đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng vì kinh phí KH&CN của tỉnh hỗ trợ cho huyện bao nhiêu là do chủ tịch UBND huyện quyết định, không phải do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN



Ảnh: Hội nghị triển khai các quy định pháp luật về KH&CN
(Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

Trong thời gian vừa qua, mặc dù cơ chế tài chính đối với KH&CN đã được đổi mới trên nhiều mặt và đạt được các kết quả tích cực như nêu trên, song quá trình thực hiện cũng đã bộc lộ một số điểm đòi hỏi cần phải tiếp tục hoàn thiện, bổ sung. Hiện nay, vẫn còn

thiếu những cơ chế để gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý. Việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN còn hạn chế, cùng với đó là hiệu quả sử dụng nguồn lực NSNN cho KH&CN còn chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là cơ chế tài chính còn một số bất cập. Đồng thời chưa hình thành được các cơ chế tài chính phù hợp để tạo ra các động lực đủ mạnh trong việc thúc đẩy hoạt động KH&CN phát triển, nhất là trong việc đa dạng hóa nguồn lực cho phát triển KH&CN. Cụ thể, một số vấn đề đặt ra là:

Một là, nguồn lực đầu tư cho hoạt động KH&CN từ các nguồn lực của xã hội tại các doanh nghiệp ở Đồng Nai còn rất thấp, chủ yếu là nguồn từ NSNN.

Đầu tư cho hoạt động KH&CN từ khu vực công ở Đồng Nai vẫn chiếm ưu thế chủ đạo so với những nơi khác. Mặc dù chi NSNN đã có sự ưu tiên nhiều hơn cho hoạt động KH&CN nhưng so với nhiều nơi trên toàn quốc và trong khu vực miền Đông Nam bộ thì nguồn lực đầu tư cho KH&CN ở Đồng Nai vẫn còn tương đối thấp. Tổng đầu tư cho KH&CN bình quân đầu người của Đồng Nai thấp hơn rất nhiều so với các tỉnh trọng điểm khác. Nếu chỉ dựa vào nguồn lực từ NSNN như giai đoạn vừa qua thì rất khó có thể tạo ra được sự đột phá trong phát triển KH&CN, đưa lĩnh vực này thật sự trở thành động lực quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH của tỉnh nhà.

Bên cạnh đó, nguồn đầu tư từ NSNN cho KH&CN chủ yếu được hỗ trợ cho các viện nghiên cứu, các trường đại học và các đơn vị nghiên cứu sở ngành. Cách thức này có ưu điểm là tạo ra sự chuyên môn hóa trong nghiên cứu khoa học song do mối quan hệ giữa những đơn vị này với khu vực doanh nghiệp chưa sâu sắc nên tính ứng dụng chưa cao, chưa thực



QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ảnh minh họa: Đa số các Doanh nghiệp ở Đồng Nai trích lập quỹ phát triển KH&CN cho đơn vị còn thấp

sự xuất phát từ nhu cầu của các doanh nghiệp. Còn thiếu sự gắn kết giữa công tác nghiên cứu và việc sử dụng, áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn



nên chưa phát huy hết vai trò của KH&CN trong quá trình phát triển của nền kinh tế tỉnh nhà.

Về phía các doanh nghiệp, đầu tư cho hoạt động KH&CN còn rất khiêm tốn, trong khi chưa phát huy được sự hợp tác hiệu quả với các trường đại học hay các viện nghiên cứu. Cơ chế trích lập Quỹ KH&CN theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 hiệu quả còn chưa cao, chưa tạo ra được sự đột phá trong việc thúc đẩy được các doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN.

Ở Đồng Nai, đầu tư cho hoạt động KH&CN tại các doanh nghiệp ngoài NSNN đến nay chỉ ước khoảng 30 - 35% tổng đầu tư toàn xã hội. Thời gian qua, Đồng Nai đã có nhiều chính sách để thúc đẩy sự phát triển KH&CN như đã hình thành các quỹ phát triển KH&CN nhưng nguồn lực của các quỹ này chủ yếu vẫn là từ NSNN, chưa trở thành nguồn lực mới để thu hút được sự đầu tư từ khu vực xã hội cho hoạt động KH&CN. Một nguyên nhân khác làm cho đầu tư cho KH&CN của các doanh nghiệp ở Đồng Nai còn thấp là do nguồn cung của các sản phẩm KH&CN trong tỉnh chưa đáp ứng được các yêu cầu của doanh nghiệp, các doanh nghiệp có xu hướng nhập khẩu sản phẩm công nghệ từ bên ngoài. Mặt khác, do đầu tư vào KH&CN là lĩnh vực có độ rủi ro cao nhưng việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung vẫn còn nhiều điểm hạn chế. Quy mô sản xuất nhỏ cũng là một rào cản hạn chế các doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN ở Đồng Nai.

Hai là, hiệu quả sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN chưa cao

Hiện vẫn còn thiếu một cơ chế phù hợp để kết gắn việc phân bổ NSNN cho các tổ chức KH&CN với các yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể về sản phẩm KH&CN mà các đơn vị nghiên cứu cần thực hiện. Cơ chế tài chính hiện hành trong việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên chưa gắn với các yêu cầu cụ thể về sản phẩm, nhiệm vụ ứng với dự toán cấp chi thường xuyên mà chủ yếu vẫn



thực hiện phân bổ trên cơ sở biên chế và định mức, dù làm nhiều, dù làm ít, hoặc không làm gì, nếu thuộc danh sách biên chế, trả lương của tổ chức KH&CN công lập thì vẫn được NSNN cấp lương.

Hiện vẫn chưa hình thành được các căn cứ, cơ sở phù hợp cho việc phân bổ dự toán kinh phí cho các đề tài, dự án KH&CN, vẫn chủ yếu dựa vào số lượng các chuyên đề để xác định nhu cầu kinh phí, dẫn đến việc để được tăng kinh phí thì phải tăng số lượng chuyên đề mà chưa gắn với kết quả nghiên cứu kỳ vọng đạt được của từng đề tài. Nguyên nhân của tình hình này là do chưa hình thành được một hệ thống định mức (kinh tế - kỹ thuật - tài chính) phục vụ cho việc xây dựng dự toán, phân bổ dự toán và nghiệm thu, đánh giá sản phẩm KH&CN.

Việc yêu cầu phải đảm bảo tỷ lệ phân bổ tối thiểu 2% tổng chi NSNN hàng năm cho lĩnh vực KH&CN có ưu điểm là đảm bảo nguồn lực NSNN cho lĩnh vực này, khẳng định KH&CN là lĩnh vực ưu tiên. Tuy nhiên, thực tế thực hiện những năm qua cũng phát sinh một số vấn đề cần phải được xem xét để có sự điều chỉnh cho phù hợp. Để đảm bảo thực hiện được tỷ lệ này đã dẫn đến tình trạng bố trí chi NSNN hàng năm cho KH&CN trong một số trường hợp tìm nhiệm vụ để phân bổ hết kinh phí, phân bổ dự toán cho một số nhiệm vụ KH&CN chưa đủ cơ sở và chưa cần thiết thực hiện trong khi đó có thể có một số nhiệm vụ chi khác cấp bách hơn. Trong một số trường hợp, nguồn chi cho KH&CN không thực hiện hết nhưng cũng không thể điều hòa cho các nhiệm vụ chi khác có tính ưu tiên cấp bách hơn, dẫn đến việc phải chuyển nguồn. Một bất cập khác là có những giai đoạn khi tổng chi NSNN tăng đột xuất vì các lý do khác, chi cho KH&CN đương nhiên buộc phải tăng theo để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ tổng chi NSNN đề ra song do hạn chế về thời gian năng lực thực hiện nghiên cứu có thể không theo kịp với sự gia tăng về quy mô chi này, dẫn đến trường hợp không sử dụng hết số kinh phí được phân bổ, kinh phí chờ nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, đầu tư từ NSNN cho KH&CN còn dàn trải, thiếu tập trung và thiếu sự kết gắn để hỗ trợ cho nhau do chưa có cơ chế sàng lọc nhiệm vụ nghiên cứu một cách hữu hiệu để chọn các nhiệm vụ KH&CN. Các chỉ tiêu



Ảnh: Phát biểu của đ/c Nguyễn Quân, BT Bộ KH&CN tại Hội nghị Đầu tư UD KH&CN cho nông thôn miền núi

đánh giá tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học còn nặng về tính định tính, chưa thực sự phù hợp với đặc thù của các loại hình nghiên cứu. Việc giao dự toán kinh phí cho các đề tài, dự án còn mang tính bình quân và chủ yếu được phân bổ theo các đề xuất từ

dưới lên, nhiều trường hợp chủ yếu là để giải quyết thu nhập cho cán bộ nghiên cứu, chưa gắn với các định hướng phát triển KH&CN trung và dài hạn cũng như tầm quan trọng của các dự án, đề tài nghiên cứu. Đồng thời, chưa có sự phối hợp có hiệu quả giữa các Sở, ngành, địa phương trong việc xác định nhiệm vụ, dẫn đến có những nhiệm vụ có nội dung giống nhau, trùng nhau nhưng không được kết hợp để tạo cơ sở để thực hiện các dự án, đề án nghiên cứu lớn, gây lãng phí nguồn lực.

Ba là, việc tổ chức triển khai thực hiện một số cơ chế chính sách tài chính còn chậm, chưa có sự đồng bộ

Mặc dù Nghị định số 115/2005/NĐ-CP đã được tổ chức thực hiện trong gần 10 năm song đến nay, tỷ lệ các đơn vị chuyển đổi mô hình hoạt động theo yêu cầu tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP còn thấp. Còn thiếu sự kiên quyết trong việc phân loại các tổ chức KH&CN. Nguyên nhân một phần là do vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự bao cấp của NSNN, ngại thay đổi, không năng động

để phát triển KH&CN trong môi trường cạnh tranh. Một nguyên nhân khác là cơ chế quản lý, điều hành NSNN hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi này còn chậm được đổi mới (ví dụ: cơ chế chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học; cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra, việc áp dụng khuôn khổ chi tiêu trung hạn trong quản lý ngân sách...).

Bốn là, đầu tư cho phát triển KH&CN ở các địa phương (huyện) nhìn chung chưa được chú trọng, hoặc chú trọng nhưng chưa đúng mức

Chỉ cho hoạt động KH&CN ở nhiều địa phương còn thấp hoặc sử dụng không đúng mục đích, việc hướng dẫn sử dụng kinh phí cho phát triển KH&CN chưa thực sự được coi trọng. Một số địa phương sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học cho những lĩnh vực không thuộc KH&CN (nhiều huyện chỉ cho



Ảnh minh họa: Mô hình ứng dụng tiên bộ KH&CN thành công như tại Làng bưởi Tân Triều là rất ít

hoạt động hành chính, chi lương, mua máy in .v.v.), chưa xác định được sản phẩm chủ lực của địa phương, hướng phát triển KH&CN, hoặc liên kết với các trường đại học lớn, viện nghiên cứu hoặc nhà khoa học để đặt hàng. Công tác xây dựng hệ thống văn bản pháp lý hỗ trợ phát triển KH&CN ở địa phương chưa nhận được sự phối hợp tích cực của các cấp, ngành có liên quan.

Năm là, phát triển KH&CN ở các doanh nghiệp chưa được chính quyền quan tâm chia sẻ đúng mức trong việc hỗ trợ đổi mới công nghệ, hỗ trợ các sản phẩm được hình thành từ đổi mới công nghệ.



Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC và Thông tư hướng dẫn số 15/2011/TT-BTC và Thông tư số 105/2012/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư 105/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong quá trình thử nghiệm ứng dụng công nghệ mới chưa được thực hiện ở nhiều nơi, thủ tục miễn giảm thuế phức tạp, phải thông qua nhiều khâu thẩm định. Theo quy định tại nghị định 124/2008/NĐ-CP và thông tư 130/2008/TT-BTC, các doanh nghiệp được trích lập 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập để lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhưng hiện nay, đầu tư cho KH&CN của doanh nghiệp chiếm một tỷ trọng rất hạn chế, hầu hết các doanh nghiệp dành chưa đến 1% doanh thu cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, do vậy Quỹ phát triển KH&CN tại hầu hết các doanh nghiệp chưa lập được do chưa được hướng dẫn đầy đủ.

3. Một số đề xuất, kiến nghị đổi mới cơ chế tài chính thúc đẩy phát triển KH&CN

Định hướng phát triển KH&CN của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020; đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2015-2020). Để thực hiện được các định hướng và mục tiêu đề ra đòi hỏi cần

phải xây dựng và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau, trong đó phải thực hiện đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN.



Ảnh: Đ/c Trần Đình Thành, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai về làm việc tại Sở KH&CN (Nguồn: dost-dongnai.gov.vn)

Một số giải pháp xin đề xuất cụ thể là:

Một là, Nâng cao hiệu quả huy động và đa dạng hoá nguồn lực đầu tư cho KH&CN, trong đó tiếp tục bố trí đủ nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư từ NSNN cho hoạt động KH&CN

Quy hoạch phát triển KH&CN của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu phát triển KH&CN đến năm 2020 đã xác định và thực trạng phát triển KH&CN ở Đồng Nai hiện nay cho thấy nhu cầu nguồn lực cho phát triển KH&CN là rất lớn, nhất là đối với yêu cầu thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Chiến lược phát triển



KH&CN giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012: “Phấn đấu tăng tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 1,5% GDP vào năm 2015 và trên 2% GDP vào năm 2020. Bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN không dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm”.

Hiện nay, đầu tư cho KH&CN của Đồng Nai hiện ở mức thấp so với các tỉnh trọng điểm khác, nhu cầu đầu tư là rất lớn. Trong thời gian trước mắt, nguồn lực đầu tư từ NSNN dự báo vẫn là nguồn lực chủ đạo và sẽ có vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt, thu hút các nguồn lực khác trong xã hội. Theo đó, cần tiếp tục đảm bảo bố trí đủ nguồn lực đầu tư từ NSNN cho phát triển KH&CN ở mức tương đương như giai đoạn vừa qua, coi đây là nền tảng để xây dựng và phát triển hoạt động KH&CN. Đặc biệt, chính sách chi NSNN đối với KH&CN phải được xây dựng trên quan điểm coi chi cho KH&CN là khoản chi cho đầu tư phát triển, tác động đến mọi lĩnh vực kinh tế trong quá trình phát triển của đất nước.

Đồng thời, hình thành các cơ chế phù hợp để nâng cao tính định hướng của nguồn lực đầu tư từ NSNN trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước để phát triển KH&CN. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đầu tư cho KH&CN, thu hút các thành phần xã hội tham gia hoạt động KH&CN, qua đó tăng cường sự gắn kết chặt chẽ giữa KH&CN với sản xuất, thúc đẩy phát huy sáng tạo cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Hoàn thiện chính sách khuyến khích tài chính của nhà nước đối với sự phát triển KH&CN (chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách ưu đãi thuế; khấu hao...), khuyến khích việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho việc phát triển KH&CN. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển KH&CN theo hướng nhà nước và doanh nghiệp cùng đầu tư thông qua mô hình hợp tác công-tư, sử



dụng hiệu quả Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, Quỹ Đầu tư . v.v. tại doanh nghiệp. Hình thành các cơ chế phù hợp để có sự gắn kết tương hỗ giữa các loại hình quỹ KH&CN để nâng cao hiệu quả hoạt động. Thúc đẩy sự hợp tác, liên kết giữa các cơ sở KH&CN với địa phương, doanh nghiệp, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ KH&CN giữa các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác nhau, bao gồm cả việc tiếp cận nguồn kinh phí dành cho phát triển KH&CN từ NSNN. Phát triển các hình thức như đấu thầu, thuê hoặc ký hợp đồng với các tổ chức tư nhân cung ứng hoạt động KH&CN.

Hai là, Đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN

Thực hiện đổi mới đồng bộ tổ cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực NSNN cho KH&CN. Có thể cân nhắc đến việc không cân đối chi KH&CN theo tỷ lệ chi NSNN, mà cân đối theo dự toán, gắn với nhu cầu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, có thể ở mức hơn 2% tổng chi NSNN, khắc phục tình trạng phân bổ không căn cứ vào sự cần thiết, tính ưu tiên và khả năng thực hiện của các cơ sở KH&CN. Cùng với việc sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước, nghiên cứu áp dụng vào tình hình của tỉnh Đồng Nai cơ chế phân bổ ngân sách trên cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính trung hạn và kế hoạch chi tiêu trung hạn trong lĩnh vực KH&CN. Điều này sẽ giúp cho việc phân bổ ngân sách được hiệu quả cũng như tăng cường tính dự đoán được của việc quản lý và hiệu quả chi NSNN cho lĩnh vực KH&CN.

Đồng thời, thực hiện cơ cấu lại chi NSNN cho KH&CN, trong đó ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm được xác định trong Chiến lược phát triển KH&CN, các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược. Tập trung đầu tư đồng bộ giữa hạ tầng cơ sở, trang thiết bị với đào tạo cán bộ KH&CN (Ví dụ



Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học). Đồng thời, xác định rõ ràng mục tiêu của các đề tài, dự án nghiên cứu để thực hiện việc bố trí kinh phí cho phù hợp với cơ chế phân cấp ngân sách hiện hành. Những đề tài phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương sẽ thuộc phạm vi bố trí của địa phương. Các địa phương sẽ tiến hành việc đặt hàng để thực hiện những đề tài này. Đối với những đề tài do ngân sách trung ương tài trợ phải có mức độ tác động rộng, có độ lan tỏa cao.

Ngoài ra, cần khắc phục những vấn đề còn tồn tại như cùng một nguồn lực đầu tư từ NSNN nhưng được triển khai theo các kênh khác nhau, dẫn đến hiện tượng chồng chéo, trùng lặp, có thể một vấn đề nghiên cứu được triển khai ở nhiều nơi, kết quả nghiên cứu không được đối chứng với những công trình nghiên cứu trước đây hoặc những công trình nghiên cứu khác.

Sửa đổi, bổ sung các tiêu thức để xác định nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cho phù hợp với nhu cầu, khả năng quản lý và thực hiện của từng cấp, trong đó quy định rõ các tiêu chí phân biệt đề tài KH&CN cấp tỉnh, cấp Sở, ngành, cấp huyện và cấp cơ sở. Xây dựng và ban hành hệ thống khung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho đề tài, đề án và các định mức tài chính phục vụ cho việc xây dựng dự toán, phân bổ dự toán kinh phí và các tiêu chí nghiệm thu, đánh giá sản phẩm KH&CN dựa trên các tiêu chí đầu ra cùng với quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu các sản phẩm KH&CN gắn với kết quả đầu ra, đáp ứng nhu cầu của xã hội và thu hút được nguồn vốn đầu tư, thương mại hóa kết quả nghiên cứu từ doanh nghiệp. Thay đổi việc xây dựng nhiệm vụ dựa trên yêu cầu của các tổ chức KH&CN bằng việc xuất phát từ yêu cầu của xã hội, yêu cầu của thị trường và gắn với địa chỉ sử dụng, đảm bảo sự gắn kết nguồn lực tài chính giữa các khâu (xác định nhiệm vụ, tổ chức nghiên cứu và áp dụng, triển khai).



Tăng cường phân cấp, nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tự chủ của các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương trong quản lý, sử dụng kinh phí KH&CN. Thực hiện đơn giản hóa thủ tục lập dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán và giải ngân cho các đề tài, các dự án.

Nâng cao tính công khai, minh bạch, dân chủ trong quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp KH&CN, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với kết quả nghiên cứu KH&CN, qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình. Hình thành hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị KH&CN gắn với việc sử dụng kinh phí NSNN trên cơ sở gắn với các tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập. Hoàn thiện chế độ thông tin báo cáo, công tác tài chính kế toán và trách nhiệm giải trình về kết quả của các đơn vị cung ứng dịch vụ của các tổ chức KH&CN công lập.

Tập trung đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở, tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh tạo sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực KH&CN; Phấn đấu trong giai đoạn 2016-2020 phát triển mạnh tiềm lực của Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh để hình thành Khu công nghệ cao chuyên ngành Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai; Phối hợp Bộ KH&CN và các Bộ ngành Trung ương đầu tư xây dựng Bảo tàng Khoa học Quốc gia trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm chiếu xạ tỉnh, Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN tỉnh;...

Ba la, tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp khoa học công lập, trên cơ sở tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của các tổ chức KH&CN

Tiếp tục sắp xếp, chuyển đổi các tổ chức nghiên cứu khoa học sang đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí. NSNN không cấp kinh phí hoạt động quản lý bộ máy thường xuyên mà cân đối qua các nhiệm vụ đặt hàng, giao cho tổ chức KH&CN thực hiện. Tỉnh là một khách hàng, ngoài nhà nước, có cơ chế để các tổ



chức KH&CN đẩy mạnh việc cung cấp sản phẩm KH&CN cho doanh nghiệp, cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Sắp xếp lại mạng lưới các tổ chức KH&CN công lập, giảm bớt đầu mối tổ chức, hình thành các tổ chức KH&CN có năng lực nghiên cứu chuyên sâu.

Thực hiện đổi mới đồng bộ cơ chế tài chính đối với các đơn vị KH&CN theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong sử dụng nguồn lực (bao gồm cả nhân lực và nguồn lực tài chính) trên cơ sở gắn với đặc điểm từng loại hình dịch vụ và nhu cầu của xã hội, thị trường. Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng đối với các nhiệm vụ KH&CN, thực hiện các hình thức mua, khoán sản phẩm KH&CN.

Đổi mới định mức phân bổ ngân sách, định mức chi tiêu ngân sách cho KH&CN. Đồng thời, trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật NSNN sắp tới nghiên cứu xây dựng cơ chế mới về phương thức lập dự toán và phân bổ dự toán ngân sách, chuyển dần từ việc lập dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị theo yếu tố đầu vào sang lập dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách theo kết quả đầu ra, gắn với kết quả và hiệu quả công việc. Để thực hiện phương thức quản lý ngân sách dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ cần đồng thời hình thành cho được hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật để làm căn cứ để xây dựng chi phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, các tiêu chí và phương pháp xác định và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp.

Bốn là, thực hiện đổi mới đồng bộ các chính sách tài chính có liên quan để hỗ trợ cho việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực KH&CN như phát triển thị trường KH&CN, tăng cường đầu tư cho nguồn nhân lực KH&CN

Khuyến khích về tài chính, xây dựng các cơ chế tài chính phù hợp là điều kiện cần, góp phần khơi thông các nguồn lực cho đầu tư KH&CN để thúc đẩy



KH&CN phát triển, tạo điều kiện cho các cơ chế này phát triển thì cần phải có thêm các điều kiện khác, nhất là đối với việc hình thành và phát triển thị trường KH&CN. Đồng thời, cần hình thành các tổ chức môi giới, định giá, mua bán công nghệ nhằm thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ.

Cần có cơ chế để thúc đẩy và kết gắn được mối liên kết giữa nhà nước - đơn vị KH&CN nghiên cứu - doanh nghiệp trong phát triển hoạt động KH&CN. Nguồn lực đầu tư cho KH&CN ở Đồng Nai chủ yếu là từ khu vực nhà nước đầu tư cho các tổ chức KH&CN, các viện nghiên cứu và các trường đại học. Trong khi đó, Đồng Nai chưa có cơ chế để gắn kết các bộ phận này trong việc phát triển KH&CN. Không ít sản phẩm nghiên cứu hoàn thành những không có tính ứng dụng cao hoặc hoạt động nghiên cứu chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tế của khu vực doanh nghiệp. Kinh nghiệm nhiều nước phát triển cho thấy, họ đã rất thành công trong việc xây dựng mô hình nhà nước - Viện nghiên cứu, trường đại học - Doanh nghiệp. Các doanh nghiệp là nơi ứng dụng các kết quả nghiên cứu nên việc tiếp cận với hệ thống các viện nghiên cứu và các trường đại học sẽ dễ dàng hơn thông qua sự liên kết của mô hình này.

Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường công nghệ. Hình thành hệ thống các tổ chức trung gian công nghệ, giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các giao dịch mua bán công nghệ; Thương mại hóa sản phẩm KH&CN thông qua việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị hàng năm trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, cần tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực KH&CN. Lực lượng nghiên cứu khoa học mặc dù liên tục phát triển trong những năm qua, tuy nhiên đội ngũ cán bộ khoa học đông nhưng chưa thực sự mạnh, lực lượng cán bộ đào tạo chuyên sâu chưa tương xứng với yêu cầu phát triển ngày càng cao của KH&CN. Hiện nay, Đồng Nai có số lượng cán bộ đạt

trình độ cao đẳng, đại học tương đối đông nhưng lại rất thiếu cán bộ đầu ngành, những người có năng lực quản lý và chỉ huy những công trình lớn trọng điểm của đất nước để có thể thay thế chuyên gia nước ngoài (chủ yếu trong các



Ảnh: TT UDCN Sinh học đã được quy hoạch để thành lập Khu Công nghệ cao chuyên ngành Công nghệ Sinh học tại Đồng Nai

doanh nghiệp). Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện chính sách đầu tư cải thiện điều kiện làm việc điều kiện nghiên cứu đầy đủ hơn, đãi ngộ xứng đáng về vật chất và tinh thần, lương, thu nhập, khen thưởng đối với cán bộ KH&CN.

Tóm lại, sự nghiệp phát triển KT-XH và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế gia tăng đòi hỏi các quốc gia luôn phải đổi mới và phát triển KH&CN. Đối với Đồng Nai, trình độ KH&CN vẫn ở mức thấp. Một phần là do nguồn lực đầu tư còn hạn chế, một phần là do hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư chưa được phát huy. Trong khi đó, nguồn lực chủ yếu cho lĩnh vực này lại từ NSNN. Đồng Nai đã có những chính sách tài chính nhằm hỗ trợ và khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư mạnh vào hoạt động KH&CN, nhưng hiện nguồn lực này vẫn chưa được huy động một cách có hiệu quả. Thời gian tới, bên cạnh việc tăng cường hơn nữa nguồn lực đầu tư của NSNN cần thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của khu vực tư nhân. Đồng thời, phải thực hiện đổi mới một cách căn bản các cơ chế chính sách về tài chính đối với các đơn vị KH&CN thuộc khu vực công, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực NSNN đầu tư cho KH&CN ./.